

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2023

V/v “Không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lý Thị Trúc Linh

2. Ông Nguyễn Hoàng Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 610/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 về việc về việc “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Đ**, sinh năm 1975; Trú tại: Số A, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1972; Trú tại: Số A, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

Bà Đ, ông H có yêu cầu xét xử vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Trương Thị Đ trình bày:***

Bà Đ và ông Nguyễn Văn H đám cưới trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn vào năm 1994. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung và hay cãi nhau. Bà Đ và ông H đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Do không còn tình cảm với ông H nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với ông Nguyễn Văn H.

**- Về con chung:** Có 02 con chung là Nguyễn Hoài A sinh năm 1995 và Nguyễn Hoài K, sinh năm 2000, đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn Văn H trình bày:***

Ông H thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Do không còn tình cảm với bà Đ nên ông H đồng ý yêu cầu Tòa án xem xét không công nhận vợ chồng với bà Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hoài A sinh năm 1995 và Nguyễn Hoài K, sinh năm 2000, đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thị Đ, bị đơn ông Nguyễn Văn H có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ, ông H là phù hợp với Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc yêu cầu không công nhận vợ chồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông H đám cưới và sống chung như vợ chồng từ năm 1994 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn (theo lời trình bày của đương sự, giấy xác nhận ngày 21/10/2022 của UBND xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và giấy xác nhận ngày 25/10/2022 của UBND xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre do đương sự cung cấp) là vi phạm quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà Đ và ông H đều thống nhất quá trình sống chung hạnh phúc được thời gian đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bắt đầu quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau và cùng nhau đề nghị Tòa án xem xét không công nhận vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà Đ đối với ông H là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về con chung: Bà Đ và ông H có 02 con chung là Nguyễn Hoài A sinh năm 1995 và Nguyễn Hoài K, sinh năm 2000, đã trưởng thành nên không xét đến.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[7] Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Đ phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 14; 15; 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn H. Không công nhận và Trương Thị Đ và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

**2.** Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hoài A sinh năm 1995 và Nguyễn Hoài K, sinh năm 2000, đã trưởng thành nên không xét đến.

**3.** Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không xét đến.

**4.** Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

**5.** Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Đ phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0010747 ngày 27/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Trương Thị Đ đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- UBND xã Quới Sơn, xã Hòa An;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Huỳnh Minh Hiền**

